| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH CỬU**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 11-10-2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU**
**TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Anh Đức.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Anh.
Ông Huỳnh Bình.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thanh Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/10/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị V, sinh năm 1986.
Nơi cư trú: số 46 Lê Đại Hành, tổ 3, khu phố 2, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Thái G, sinh năm 1974.
Nơi cư trú: số 46 Lê Đại Hành, tổ 3, khu phố 2, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Chị V có mặt, anh G vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thái G tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 258/KH, quyển số 02/2002 ngày 16/12/2002.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G thường xuyên nhắn tin yêu đương với người phụ nữ quen trên mạng nên chị đã khuyên can anh G. Đến năm 2014 thì chị lại phát hiện anh G tiếp tục hẹn hò nhưng do con chị mới sinh được 06 tháng nên chị lại tha thứ cho anh G thêm 01 lần nữa, đồng thời anh G có hứa nếu tiếp tục thì chị sẽ làm đơn ly hôn với anh G. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 04/2019, chị phát hiện anh G nhắn tin mật thiết với người con gái mà anh quen trên mạng nên chị đã làm đơn ly hôn với anh G vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: vợ chồng anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Lê M, sinh ngày 13/9/2003, Nguyễn Lê Minh Ch, sinh ngày 23/03/2008 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 17/8/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Ch và cháu Ng, giao cháu M cho anh G trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Đồng thời, anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu và chị tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 26/6/2019, bị đơn anh Nguyễn Thái G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian đăng ký kết hôn, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Lê Thị V trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống dù gặp nhiều khó khăn về kinh tế nhưng vợ chồng anh vẫn rất vui vẻ, hạnh phúc, do anh không phải là chủ lực về kinh tế nên anh lo toan, quán xuyến trong gia đình để vợ yên tâm buôn bán. Những lý do mà chị V đưa ra để yêu cầu ly hôn thì anh thấy hoàn toàn không đúng nên đã nói chuyện, thuyết phục chị V để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, chị V vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Lê M, sinh ngày 13/9/2003, Nguyễn Lê Minh Ch, sinh ngày 23/03/2008 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 17/8/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu M, giao cháu Ch và cháu Ng cho chị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu.**

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị V.

Về nuôi con chung: vợ chồng chị V, anh G có 03 con chung tên Nguyễn Lê M, sinh ngày 13/9/2003, Nguyễn Lê Minh Ch, sinh ngày 23/03/2008 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 17/8/2014. Khi ly hôn chị V và anh G đều có nguyện vọng giao cháu Ch, cháu Ng cho chị V, giao cháu M cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu và và chị V tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị nghi nhận sự thỏa thuận của chị V, anh G.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị V khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Thái G, đồng thời anh Nguyễn Thái G có đăng ký tạm trú và sinh sống tại số 46 Lê Đại Hành, tổ 3, khu phố 2, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Anh Nguyễn Thái G là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập, văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh G đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên Tòa hôm nay, anh G vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Nguyễn Thái G có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 258/KH, quyển số 02/2002 ngày 16/12/2002, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Lê Thị V thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G thường xuyên nhắn tin yêu đương, hẹn hò với người con gái anh G quen trên mạng, mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện, khuyên nhủ và bỏ qua cho anh G nhưng anh G vẫn không thay đổi nên chị làm đơn ly hôn với anh G vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

Về phần anh Nguyễn Thái G cho rằng vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, vẫn chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Những lý do mà chị V đưa ra để yêu cầu ly hôn thì anh thấy hoàn toàn không đúng. Mặc dù anh đã nói chuyện, thuyết phục chị V về đoàn tụ nhưng chị V vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án đã gửi giấy triệu tập anh G để làm việc, hòa giải đoàn tụ và xét xử nhưng anh G đều không lên Tòa thể hiện anh G cũng không muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị V.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/9/2019, ông Hồ Văn Phú là trưởng khu phố 2, thị trấn V xác định giữa chị V và anh G trong quá trình sinh sống tại địa phương có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Tuy nhiên do chị V và anh G không yêu cầu nên địa phương không tiến hành hòa giải. Nay chị V yêu cầu ly hôn với anh G thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng chị V và anh G đã có nhiều mâu thuẫn, không còn sự tin tưởng, tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, giải quyết cho chị V được ly hôn với anh G là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị V, anh G có 03 con chung tên Nguyễn Lê M, sinh ngày 13/9/2003, Nguyễn Lê Minh Ch, sinh ngày 23/03/2008 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 17/8/2014. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Ch, cháu Ng và giao cháu M cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu và chị V tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con được anh G đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị V, anh Nguyễn Thái G được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình và anh Nguyễn Thái G phải chịu án phí cấp dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Vĩnh Cửu phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 10, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 5, 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Thái G.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Minh Ch, sinh ngày 23/03/2008 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 17/8/2014 cho chị Lê Thị V, giao cháu Nguyễn Lê M, sinh ngày 13/9/2003 cho anh Nguyễn Thái G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị Lê Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Thái G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ch, cháu Ng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên, nếu chưa thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định của tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Chị Lê Thị V, anh Nguyễn Thái G được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001798 ngày 10/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Anh Nguyễn Thái G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Riêng anh Nguyễn

Thái G vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- Đương sự (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu (01);
- Uỷ ban nhân dân phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Anh Đức**